**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

----------------------

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**Phạm Thị Linh**

**THỊ TRƯỜNG HÓA CHI TRẢ**

**DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Mã số: 62 31 01 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

 KINH TẾ CHÍNH TRỊ

**Hà Nội, 2019**

|  |
| --- |
|  Chương trình được hoàn thành tại: …………........................ Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Mai Thị Thanh Xuân Phản biện 1: ……………………………………………. ……………………………………………. Phản biện 2: ……………………………………………. ……………………………………………. Phản biện 3: ……………………………………………. ……………………………………………. Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm luận án tiến sĩ họp tại: …………..………………………………. Vào hồi…...giờ…….ngày…………..tháng………..năm…… Có thể tìm hiểu luận án tại: - Thư viện Quốc gia Việt Nam - Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc Gia Hà Nội |

**MỞ ĐẦU**

**1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu**

Tại Việt Nam, cùng với quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, vào những năm đầu 2000, cơ chế chi trả dịch vụ môi trường cũng bắt đầu được đặt ra. Nhưng hiện nay, sự hiểu biết của người dân, kể cả giới học thuật về chi trả dịch vụ môi trường vẫn còn thiếu đầy đủ, thậm chí một bộ phận khá lớn dân cư không muốn chấp nhận nó. Nguyên nhân của tình trạng đó trước hết và chủ yếu là do Nhà nước chưa có những chế tài đủ để ràng buộc về tài chính cũng như trách nhiệm đối với người dân trong sử dụng dịch vụ môi trường. Một phần khác là do chúng ta chưa nhận thức đầy đủ cả những vấn đề lý luận và thực tiễn về chi trả dịch vụ môi trường; và còn do thiếu tư duy về kinh tế thị trường trong khai thác và sử dụng dịch vụ môi trường...

Với những vấn đề đặt ra nói trên, NCS chọn vấn đề: **“Thị trường hóa chi trả dich vụ môi trường ở Việt Nam”** làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

Luận án phải trả lời được câu hỏi: Các hoạt động cung ứng và tiêu dùng dịch vụ môi trường ở Việt Nam đã thực sự tuân theo cơ chế thị trường chưa? Nhà nước đã và sẽ phải làm gì để thúc đẩy quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường trong thời gian tới?

**2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

2.1. Mục tiêu

Đánh giá thực trạng quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam giai đoạn 2011-2018 để đề xuất giải pháp thúc đẩy quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam diễn ra nhanh hơn và hiệu quả hơn.

2.2. Nhiệm vụ

- Tổng quan các công trình khoa học của các tác giả trong và ngoài nước

- Đúc rút những bài học kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới

- Phân tích thực trạng thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

- Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam trong thời gian tới.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường, cụ thể là dịch vụ phòng hộ đầu nguồn; dịch vụ bảo tồn đa dạng sinh học; dịch vụ hấp thụ các bon; và dịch vụ vẻ đẹp cảnh quan.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

+ Phạm vi nội dung: Luận án nghiên cứu những vấn đề chúng về dịch vụ môi trường, PES và quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường.

+ Phạm vi không gian: luận án nghiên cứu vấn đề thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường tại Việt Nam. Tuy nhiên, luận án cũng nghiên cứu vấn đề này tại một số quốc gia khác để đúc rút bài học kinh nghiệm.

+ Phạm vi thời gian: giai đoạn 2011 – 2018. Đây là thời gian Việt Nam thực hiện Nghị định 99/2010/NĐ-CP về PES rừng.

**4. Phương pháp nghiên cứu**

4.1 Thiết kế nghiên cứu

Tác giả thực hiện nghiên cứu luận án theo các bước sau:

Bước 1: Xác định vấn đề nghiên cứu

Bước 2: Xây dựng khung lý thuyết

Bước 3: Lựa chọn phương pháp nghiên cứu

Bước 4: Tiến hành thu thập thông tin

Bước 5: Tiến thành xử lý và đánh giá thông tin

Bước 6: Đề xuất kiến nghị và giải pháp

4.2 Nguồn tài liệu

4.2.1 Nguồn tài liệu sơ cấp

Để có nguồn tài liệu sơ cấp, tác giả thu thập thông tin, đặc biệt là thông tin về mức độ hiểu biết của người dân trên cả nước về dịch vụ môi trường và chi trả dịch vụ môi trường thông qua Phiếu phỏng vấn cá nhân về chi trả dịch vụ môi trường tại 2 thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, 3 tỉnh thành là Thái Bình, Pleiku và Đak Nông. Đối tượng lấy mẫu có độ tuổi dao động từ 24 đến 60 tuổi.

Bên cạnh đó, tác giả tham vấn trực tiếp một số chuyên gia trong lĩnh vực để có những đánh giá khách quan và khoa học hơn về vấn đề nghiên cứu

4.2.2 Nguồn tài liệu thứ cấp

Các thông tin và số liệu về thực trạng thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam được tác giả tổng hợp và phân tích từ các báo cáo của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (VNFF), báo cáo của các chuyên gia đầu ngành về thực trạng chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam, báo cáo của các chuyên gia thuộc Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế (CIFOR) và các tài liệu có liên quan.

4.3 Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

**-** Phương pháp trừu tượng hóa khoa học

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh

- Phương pháp tham vấn chuyên gia

- Phương pháp điều tra qua bảng hỏi

**5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài luận án**

**Về mặt lý luận**:

+ Luận án đưa ra khái niệm thống nhất về chi trả dịch vụ môi trường và thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường.

+ Đưa ra các nội dung thực hiện quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường.

+ Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường.

**Về mặt thực tiễn**:

+ Đưa ra bài học cho Việt Nam trong quá trình thị trường hóa chi trả DVMT.

+ Chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của của nó trong quá trình thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam hiện nay.

+ Đề xuất quan điểm và giải pháp đẩy nhanh quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam trong những năm tới.

+ Là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý cũng như các nhà nghiên cứu quan tâm đến lĩnh vực này.

**6. Kết cấu luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án gồm 4 chương, 11 tiết:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường

Chương 3: Thực trạng thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

Chương 4: Quan điểm, giải pháp thúc đẩy thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

**CHƯƠNG 1****. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ** **THỊ TRƯỜNG HÓA CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG**

**1.1. Những công trình khoa học đã công bố liên quan trực tiếp đến thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường**

### 1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về dịch vụ môi trường và chi trả dịch vụ môi trường

Nghiên cứu các công trình khoa học trong và ngoài nước về dịch vụ môi trường và chi trả dịch vụ môi trường. Nhìn chung chi trả dịch vụ môi trường đã được nhiều tác giả cả trong nước và quốc tế quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, tại Việt Nam, chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về chi trả dịch vụ môi trường cả về lý luận lẫn thực tiễn, các tác giả thường nghiên cứu sâu hơn về chi trả dịch vụ môi trường rừng (một lĩnh vực quan trọng của dịch vụ môi trường) ở Việt Nam. Điều này hoàn toàn dễ hiểu bới chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam được thực hiện trước hết và đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận.

**1.1.2 Nhóm các công trình nghiên cứu về thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường**

Chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về thị trường chi trả dịch vụ môi trường. Vấn đề thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường mới chỉ được nhắc đến trong một số công trình khoa học của các tác giả. Các nhà nghiên cứu nước ngoài bàn nhiều hơn và ủng hộ việc thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường.

## 1.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình và những vấn đề đặt ra luận án phải giải quyết

### 1.2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình trong nước và quốc tế

Trong hầu hết các nghiên cứu nêu trên, các tác giả đều tập trung trả lời những câu hỏi: Chi trả dịch vụ môi trường là gì? Chi trả dịch vụ môi trường đã diễn ra trên thế giới như thế nào? Những kết luận rút ra từ những nghiên cứu điểm về chi trả dịch vụ môi trường là gì? Có nên hay không vận hành thị trường chi trả dịch vụ môi trường? Trong tiếp cận về chi trả dịch vụ môi trường cũng chưa có sự thống nhất giữa các tác giả. Một số tác giả cho rằng dịch vụ môi trường nên được coi là một hàng hóa công, một số tác giả cho rằng cần phải coi nó như những hàng hóa thông thường, nghĩa là phải thiết lập và vận hành một thị trường chi trả dịch vụ môi trường thì mới có thể hướng tới bảo vệ môi trường bền vững.

### 1.2.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục giải quyết

Thứ nhất, phải xây dựng khung lý luận về thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường để làm cơ sở áp dụng vào thực tiễn

Thứ hai, nghiên cứu toàn diện về thực trạng chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam nói chung và thực trạng thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam nói riêng.

Thứ ba, vấn đề thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường mặc dù là vấn đề cốt lõi nhưng chưa được nhiều tác giả đề cập tới và nghiên cứu một cách thấu đáo.

Thứ tư, Việt Nam phải làm gì để thị trường này hoạt động một cách lành mạnh và hiệu quả?

# CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THỊ TRƯỜNG HÓA CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

## 2.1. Những vấn đề cơ bản về dịch vụ môi trường và chi trả dịch vụ môi trường

**2.1.1. Khái luận về dịch vụ môi trường**

Khái niệm: Dịch vụ môi trường là toàn bộ các hoạt động cung ứng những giá trị sử dụng của môi trường để phục vụ sản xuất và đời sống của con người.

Đặc điểm: Dịch vụ môi trường vừa giống các hàng hóa thông thường lại vừa khác các hàng hóa thông thường bởi nó vừa do con người, vừa do thiên nhiên tạo ra, nó là hàng hóa thiết yếu không thể thiếu được của con người.

Các loại dịch vụ môi trường: bao gồm: Dịch vụ phòng hộ đầu nguồn; Dịch vụ bảo tồn đa dạng sinh học; Dịch vụ vẻ đẹp cảnh quan và Dịch vụ hấp thụ Các bon

### 2.1.2. Chi trả dịch vụ môi trường

Khái niệm: Chi trả dịch vụ môi trường là việc người mua (người sử dụng) được hưởng lợi từ dịch vụ môi trường phải trả tiền cho người người bán (người cung ứng dịch vụ)

Việc thực hiện chi trả DVMT là đỏi hỏi khách quan của mọi nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Tại Việt Nam, với nền kinh tế thị trường phát triển chưa đầy đủ thì vấn đề này càng trở nên bức thiết.

Chi trả dịch vụ môi trường được thực hiện trên hai nguyên tắc: người hưởng lợi phải trả tiền và nguyên tắc sẵn lòng chi trả.

Hình thức chi trả: chi trả trực tiếp và chi trả gián tiếp

### 2.1.3. Thị trường dịch vụ môi trường

Khái niệm: Thị trường chi trả dịch vụ môi trường là thị trường mà trong đó hàng hóa đưa ra trao đổi là các dịch vụ môi trường. Nói cách khác, thị trường chi trả DVMT là “nơi” liên kết người cung cấp dịch vụ môi trường với người sử dụng dịch vụ môi trường.

Các chủ thể tham gia thị trường là người bán, người mua và người môi giới.

Hàng hóa được mua, bán là các dịch vụ môi trường.

## 2.2. Thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường

Thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường là quá trình đưa các hoạt động chi trả dịch vụ môi trường từ chỗ được thực hiện theo mệnh lệnh hành chính sang thực hiện theo cơ chế thị trường.

Việc thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường mang lại cả lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội và lợi ích môi trường.

Nhà nước có vai trò: tạo khung khổ pháp lý, điều tiết và hỗ trợ giao dịch, là một chủ thể kinh tế thúc đẩy thị trường phát triển.

### 2.2.3. Nội dung thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường

**-** Chuyển dần việc sử dụng dịch vụ môi trường như một hàng hóa công sang cơ chế sử dụng phải trả tiền.

- Từng bước đưa các hoạt động cung ứng và tiêu dùng dịch vụ môi trường vào quỹ đạo vận động của cơ chế thị trường

- Thực hiện tự do hóa các giao dịch về hàng hóa dịch vụ môi trường.

### 2.2.4. Tiêu chí đánh giá mức độ thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường

Tiêu chí đánh giá mức độ thị trường hóa bao gồm cả tiêu chí định tính và tiêu chí định lượng.

### 2.2.5. Điều kiện thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường

Một là có hệ thống luật pháp đầy đủ, minh bạch.

Hai là các chủ thể có quyền về sở hữu tài nguyên môi trường

Ba là các chủ thể phải được cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin về hàng hóa dịch vụ môi trường

Bốn là người dân có nhận thức đầy đủ về thị trường chi trả dịch vụ môi trường.

## 2.3. Kinh nghiệm thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường của một số quốc gia trên thế giới và bài học rút ra cho Việt Nam

Nghiên cứu kinh nghiệm của Hoa Kỳ, Trung Quốc từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Theo đó vấn đề đáng lưu ý là cần xác định rõ và trao quyền tài sản cho người cung cấp dịch vụ môi trường (chẳng hạn như hoạt động giao đất cho nông dân) để người cung cấp có đủ điều kiện pháp lý để tiến hành giao dịch trên thị trường.

# CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG HÓA CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

3.1. Những điều kiện để thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

Điều kiện về tự nhiên, điều kiện về thể chế và điều kiện quốc tế cho thấy với sự quan tâm của Chính phủ và tiềm năng sẵn có về cung cấp các dịch vụ môi trường, việc thiết lập thị trường dịch vụ môi trường đầu tiên là cần thiết, sau đó là hoàn toàn có khả năng trong bối cảnh của Việt Nam.

## 3.2. Quá trình thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

### 3.2.1. Tạo lập khung khổ pháp lý cho sự hình thành và phát triển thị trường chi trả dịch vụ môi trường

Ở Việt Nam mới chỉ có khung chính sách cho chi trả dịch vụ môi trường rừng. Ngay từ những năm 2004, chính phủ Việt Nam đã đặt nền móng cho một chương trình PES cấp quốc gia thông qua Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Sau này là hàng loạt các nghị định, hướng dẫn của nhà nước về các loại hình chi trả dịch vụ môi trường rừng, mức giá chi trả dịch vụ và các đối tượng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Điều này bước đầu tạo khung pháp lý cho phát triển thị trường chi trả dịch vụ môi trường.

### 3.2.2. Tự do hóa dần dần các giao dịch hàng hóa dịch vụ môi trường

Hiện tại các cơ chế chi trả tiền DVMTR đang được thực hiện gồm:

Một là, cơ chế chi trả do các công ty thủy điện và công ty nước sạch ủy thác cho Quỹ BV&PTR, có thể chi trả ủy thác trực tiếp cho Quỹ cấp tỉnh hoặc thông qua Quỹ Trung Ương để chuyển cho Quỹ cấp tỉnh.

Hai là, cơ chế chi trả do Quỹ cấp tỉnh chuyển trả tiền cho các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng dân cư.

Ba là, cơ chế chi trả do tổ chức chủ rừng trả tiền ủy thác đến các hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng.

### 3.2.3. Từng bước chuyển cơ chế xác định giá dịch vụ môi trường từ Nhà nước sang thị trường

Ở Việt Nam hiện tại mới chỉ có giá trị dịch vụ môi trường do rừng cung cấp đã được xác định và được quy định trong Nghị định 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ (sửa đổi trong Nghị định 147).

### 3.2.4. Tạo lập và vận hành của các nhân tố thị trường trên thị trường chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

Các dịch vụ môi trường được chi trả đã được xác định, tuy nhiên, ở Việt Nam mới có ba loại DVMTR được thực hiện chi trả từ năm 2011 đến nay, gồm: Dịch vụ bảo vệ đất, hạn chế xói mòn, bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối; Dịch vụ điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống xã hội; Dịch vụ bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch.

Đối tượng và các hình thức chi trả cũng đã được xác định rõ.

### 3.2.5. Một số kết quả hoạt động của thị trường chi trả dịch vụ môi trường giai đoạn 2011-2016

- Số lượng các chủ thể cung ứng DVMTR

Tính đến ngày 31/12/2016, đã có tổng số 1.066.138 chủ thể cung ứng DVMTR, trong đó có 208 chủ thể cung ứng DVMTR là Ban quản lý rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, 81 chủ thể là các công ty Lâm nghiệp, 1.264.175 chủ thể là các cá nhân/hộ gia đình/cộng đồng, 467 chủ thể là UBND xã và 195 chủ thể là các tổ chức khác.

- Số lượng đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường

Trên cả nước có tất cả 659 cơ sở sử dụng DVMTR, trong đó có 425 cơ sở sử dụng DVMTR là các xí nghiệp sản xuất điện (chiếm tới 65%), 147 cơ sở sử dụng DVMTR là các xí nghiệp sản xuất và cung cấp nước sạch, 61 cơ sở sử dụng DVMTR là các công ty du lịch và 26 cơ sở sử dụng DVMTR là cơ sở khác (sản xuất công nghiệp, nuôi tôm sinh thái, nuôi cá nước lạnh…).

- Số lượng các giao dịch dịch vụ môi trường: tổng số hợp đồng ủy thác đã được Quỹ Trung ương và Quỹ tỉnh ký là 471 hợp đồng.

- Kết quả thu – chi từ các giao dịch dịch vụ môi trường

(i) Tổng thu từ chi trả dịch vụ môi trường: Tổng tiền thu được là hơn 6.510 tỷ đồng trong đó thu qua trung ương là hơn 4.768 tỷ đồng, thu nội tỉnh là hơn 1.742 tỷ đồng.

(ii) Số tiền đã chi trả cho các cá nhân, hộ gia đình, đơn vị cung cấp DVMTR: **T**ổng số tiền chi trả cho các chủ thể cung ứng DVMTR là 5.024 tỷ đồng, thu nhập từ DVMTR bình quân chung cả nước khoảng 2 triệu đồng/hộ/năm.

## 3.3. Đánh giá thực trạng thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

### 3.3.1. Những thành tựu cơ bản

Chính phủ rất quyết tâm thực hiện chi trả dịch vụ môi trường và ban hành được những chính sách bước đầu mở đường cho thị trường chi trả dịch vụ môi trường phát triển.

Sau 8 năm kể từ khi Nghị định số 05 có hiệu lực thi hành, đến nay, toàn quốc đã có 41 tỉnh thành lập Quỹ BV&PTR; trong đó có 38 Quỹ tỉnh đã ổn định bộ máy tổ chức, thành lập các phòng ban chuyên trách, có trụ sở riêng, đi vào hoạt động; đã có 322 công ty thủy điện, 88 công ty nước sạch và 59 công ty du lịch ký hợp đồng, chi trả ủy thác tiền DVMTR với Quỹ Trung ương và các Quỹ tỉnh, thu về được là 7.466,5 tỷ đồng.

Cơ cấu thể chế và bộ máy tổ chức ở cấp tỉnh đã sẵn sàng cho việc thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường.

Trong 5 loại dịch vụ môi trường được quy định trong Nghị định 99, có 3 loại đã được đưa vào thực tiễn ở Việt Nam và mang lại những thành tựu đáng ghi nhận trong công tác thu và chi các khoản tiền DVMTR.

Mặc dù cơ chế chi trả DVMTR ở Việt Nam chủ yếu là chi trả gián tiếp, nhưng cũng đã có một số dự án chi trả trực tiếp đã và đang được tiến hành, đây chính là bước đệm để đưa PES về đúng bản chất của nó – là một quan hệ kinh tế, là một công cụ thị trường trong bảo tồn – trong những năm tới.

Các chủ rừng từ chỗ chưa hiểu DVMTR là gì đã nhận thức được trách nhiệm cung ứng DVMTR là phải làm rõ diện tích, phạm vi, ranh giới khu rừng cung ứng DVMTR phải bảo vệ tương ứng với số tiền chi trả DVMTR được nhận, nghĩa là xác định rõ trách nhiệm gắn liền với quyền lợi.

### 3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Việc thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế về thể chế, chính sách, nhận thức của nhân dân và các cấp chính quyền. Do vậy việc nâng cao hiểu biết của nhân dân về dịch vụ môi trường là cực kỳ cần thiết đối với Việt Nam. Việc cần làm trong thời gian tới là bổ sung những lỗ hổng chính sách, tạo một cơ chế tài chính minh bạch rõ ràng cho thị trường chi trả DVMT hoạt động và hoạt động hiệu quả. Khi thị trường chi trả DVMT hoạt động hiệu quả, nó không chỉ mang lại nguồn tài chính bền vững cho bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học mà còn tạo sinh kế cho nhiều cộng đồng dân cư, đặc biệt là những cộng đồng dân cư nghèo vùng sâu, vùng xa của đất nước.

# CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG HÓA CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

# Ở VIỆT NAM

## 4.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

Việc thực hiện thành công thị trường chi trả dịch vụ ở một số quốc gia trên thế giới cùng với sự quan tâm của quốc tế và những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam, sự hiểu biết của người dân về dịch vụ môi trường ngày càng được nâng cao, thu nhập của nhân dân được nâng lên… cho thấy việc thiết lập thị trường PES tại Việt Nam là hoàn toàn có khả năng.

## 4.2. Quan điểm của Nhà nước về thực hiện thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

Chính phủ Việt Nam đã có những quyết tâm rất rõ ràng nhằm thiết lập và phát triển thị trường chi trả dịch vụ môi trường thông qua hệ thống Luật, nghị định, quyết định và các văn bản hướng dẫn được ban hành, đặc biệt thông qua các chương trình thí điểm ở một số địa phương.

## 4.3. Một số giải pháp cơ bản thúc đẩy thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam

### - Hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về thị trường chi trả dịch vụ môi trường

- Tạo điều kiện phát triển đồng bộ các loại thị trường chi trả dịch vụ môi trường

### - Xây dựng khung giá cho các dịch vụ môi trường theo hướng thị trường

- Nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận thông tin cho các chủ thể tham gia thị trường

### - Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hiệu quả của hoạt động chi trả dịch vụ môi trường

- Tăng cường vai trò của Nhà nước trong quá trình thị trường chi trả dịch vụ môi trường

# KẾT LUẬN

Chi trả dịch vụ môi trường hiện nay đã là một giải pháp mang tính đột phá để tạo nguồn tài chính bền vững cho bảo vệ môi trường, nó được xem là cơ chế nhằm thúc đẩy việc tạo ra và sử dụng các dịch vụ môi trường bằng cách kết nối người cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ. Chi trả dịch vụ môi trường là công cụ kinh tế yêu cầu những người được hưởng lợi từ các dịch vụ hệ sinh thái chi trả cho những người tham gia duy trì, bảo vệ và phát triển các chức năng của hệ sinh thái đó. Nguyên tắc cơ bản của PES là tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ những dịch vụ môi trường phải chi trả cho những người sử dụng tài nguyên để cung cấp các dịch vụ môi trường đó.

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, nguồn lực ngân sách nhà nước có hạn, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong vấn đề bảo vệ môi trường cần được nâng lên thì việc thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường là một điều tất yếu. Tuy nhiên với một nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi với xuất phát điểm ở Việt Nam, thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường đòi hỏi quyết tâm cao hơn từ cả phía Chính phủ và người dân. Chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam không chỉ là một giải pháp để bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học mà còn là một ngành tạo sinh kế cho một bộ phận lớn người dân đặc biệt là đồng bào các dân tộc nghèo ở vùng sâu vùng xa. Việc thực hiện thành công thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường cũng sẽ tạo nên một thói quen tiêu dùng lành mạnh cho nhân dân./.

# DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phạm Thị Linh (2014), “Thực tiễn mô hình xã hội hóa bảo vệ môi trường ở Việt Nam và một số vấn đề đặt ra”, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (số 430), Tr.29-32.

2. Phạm Thị Linh (2016), “Chi trả dịch vụ môi trường : Lời giải cho bài toán môi trường và giảm nghèo bền vững”, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (số cuối tháng 7), Tr.26-28.

3. Phạm Thị Linh, Đậu Thị Thu Hà (2017), “Thị trường chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam và triển vọng”, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (số 499), Tr.66-68.

4. Phạm Thị Linh, Vũ Thị Thái Hà (2018), “Vai trò của nhà nước trong quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (số 518), Tr.13-15.

5. Phạm Thị Linh (2018), “Kinh nghiệm quốc tế về chi trả dịch vụ môi trường và bài học rút ra cho Việt Nam”, Tạp chí Hậu cần – Kỹ thuật (số 19), Tr.52-54.

6. Phạm Thị Linh (2016), Nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường ở Việt Nam- thực trạng và một số giải pháp, Hội thảo khoa học “Việt Nam sau 30 năm đổi mới dưới góc nhìn của tuổi trẻ khối các cơ quan trung ương”, Viện Khoa học Hàn lâm, 2016.